TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 14 /NQ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

V/v: Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2016
của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (sửa đổi, bổ sung) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 17/04/2015;
- Xét đề nghị của Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ tại công văn số 09/ĐNB-KHĐT, ngày 16/02/2016 về việc thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2016.
- Căn cứ Biên bản lấy ý kiến số 05/BB-HĐQT ngày 18/02/2016 của Hội đồng quản trị Công ty,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chấp thuận Kế hoạch kinh doanh năm 2016 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ với nội dung theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2: Giám đốc Công ty có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, chi nhánh trực thuộc Công ty triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3: Các ông/bà thành viên HĐQT, Giám đốc, các Phó giám đốc, Trưởng các phòng, chi nhánh trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Chi ủy Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, HM.01.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Nguyễn Đức Hòa

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2016
CỦA CÔNG TY CP PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

I. NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

1. Tổ chức hoạt động kinh doanh và đầu tư năm 2016 đạt mục tiêu: An toàn, Hiệu quả và Tiết kiệm.
2. Tăng cường công tác quản lý, xây dựng và phát triển hiệu quả kênh phân phối, đảm bảo bền vững cả về chiều rộng và chiều sâu. Trong đó cần tập trung vào các yếu tố chính như: đội ngũ kinh doanh; sản phẩm dịch vụ; đại lý cửa hàng; và quản lý hệ thống.
3. Đảm bảo giữ vững ít nhất 70% thị phần Đạm Phú Mỹ tại thị trường khu vực Đông Nam Bộ.
4. Tập trung đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm NPK Phú Mỹ tại tất cả các thị trường khu vực. Duy trì và xây dựng lộ trình phát triển tăng dần thị phần NPK Phú Mỹ tại thị trường khu vực để đảm bảo tiêu thụ hết sản lượng TCT phân bổ trong những năm tiếp theo khi Nhà máy sản xuất NPK của TCT đi vào hoạt động.
5. Cung cấp gói sản phẩm phân bón chất lượng cao, đa dạng mang thương hiệu Phú Mỹ cho khách hàng khu vực có hiệu quả, đảm bảo tốt nhất lợi ích của Công ty, cổ đông và người lao động.
6. Quản lý công tác đầu tư, mua sắm đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và tuân thủ các quy định của Tập đoàn/Tổng công ty/Công ty, phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.
7. Đẩy mạnh công tác sáng kiến cải tiến hợp lý hoá quản lý kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ.
8. Phối hợp chặt chẽ với Ban NCPT Tổng công ty trong công tác nghiên cứu sản phẩm mới.
9. Công tác tái cấu trúc: rà soát chức năng, nhiệm vụ, quy chế, quy trình, quy định để kịp thời điều chỉnh nhằm tăng cường trách nhiệm, tính chủ động của các phòng chức năng, tối ưu hóa năng lực tham mưu, nâng cao năng lực cạnh tranh đơn vị.
10. Khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực doanh nghiệp. Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, quản lý của CBCNV để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty. Đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo tại chỗ, đào tạo nội bộ.
11. Tăng cường hơn nữa công tác quản lý và kiểm soát chi phí ở tất cả các công đoạn của quá trình kinh doanh, phấn đấu tiết kiệm 5% chi phí quản lý và bán hàng.
12. Tích cực xây dựng văn hóa và thương hiệu Công ty gắn liền với văn hóa và thương hiệu "PVFCCo". Không ngừng chăm lo nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động.
13. Phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Đảm bảo hài hòa lợi ích các cổ đông.
14. Triển khai phân hệ lập kế hoạch (Hyperion Planning Management – HPM) tại đơn vị.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác của Tổng công ty giao.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016					Ghi chú
			Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
A	B	C	1	2	3	4	5	6
I	**Sản lượng tiêu thụ**	**Tấn**	**321.600**	**65.600**	**95.500**	**84.000**	**76.500**	
1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	210.000	46.000	55.000	52.000	57.000	
2	Phân bón thương hiệu Phú Mỹ và tự doanh	Tấn	111.000	19.000	40.500	32.000	19.500	
	- NPK Phú Mỹ (TCT cung cấp 16.330 tấn trong 6 tháng đầu năm. Phần còn lại đơn vị chủ động nhập khẩu trực tiếp về kinh doanh)	Tấn	32.000	3.000	15.000	12.000	2.000	
	- Kali Phú Mỹ (TCT cung cấp)	Tấn	35.000	3.500	10.500	13.500	7.500	
	- DAP Phú Mỹ (TCT cung cấp 5.000 tấn, hàng đang có sẵn trong kho của TCT)	Tấn	5.000	-	3.000	-	2.000	
	- Các loại phân bón khác	Tấn	39.000	12.500	12.000	6.500	8.000	
3	Hóa chất	Tấn	600	600	-	-	-	
II	**Tổng doanh thu**	**Tỷ đồng**	**2.443,30**	**489,20**	**732,34**	**650,16**	**571,60**	
1	Đạm Phú Mỹ	Tỷ đồng	1.586,55	347,53	415,53	392,86	430,64	
2	Phân bón thương hiệu Phú Mỹ và tự doanh	Tỷ đồng	822,26	112,54	315,03	255,51	139,18	
	- NPK Phú Mỹ	Tỷ đồng	315,84	29,61	148,05	118,44	19,74	
	- Kali Phú Mỹ	Tỷ đồng	266,18	26,62	79,85	102,67	57,04	
	- DAP Phú Mỹ	Tỷ đồng	55,78	-	33,47	-	22,31	
	- Các loại phân bón khác	Tỷ đồng	184,47	56,31	53,66	34,40	40,09	
3	Hóa chất	Tỷ đồng	27,34	27,34	-	-	-	
4	Từ Dịch vụ VC, BX, LK, XTTM, … và khác	Tỷ đồng	6,79	1,70	1,70	1,70	1,70	
5	Từ Hoạt động tài chính	Tỷ đồng	0,36	0,09	0,09	0,09	0,09	
III	**Tổng chi phí**	**Tỷ đồng**	**2.422,27**	**485,00**	**725,92**	**644,61**	**566,74**	
1	Giá vốn	Tỷ đồng	2.344,23	466,53	705,25	625,38	547,08	
2	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	44,86	10,46	11,94	11,13	11,34	
3	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	31,67	7,63	8,36	7,73	7,95	
4	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	1,50	0,38	0,38	0,38	0,38	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016					Ghi chú
			Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
IV	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tỷ đồng**	**21,03**	**4,20**	**6,42**	**5,55**	**4,86**	
1	Đạm Phú Mỹ	Tỷ đồng	17,42	3,17	5,17	4,63	4,45	
2	Phân bón thương hiệu Phú Mỹ và tự doanh	Tỷ đồng	3,94	0,68	1,48	1,15	0,64	
3	Hóa chất	Tỷ đồng	0,58	0,58	-	-	-	
4	Từ Dịch vụ VC, BX, LK, XTTM, … và khác	Tỷ đồng	0,22	0,06	0,06	0,06	0,06	
5	Từ Hoạt động tài chính	Tỷ đồng	(1,14)	(0,29)	(0,29)	(0,29)	(0,29)	
V	**Lợi nhuận sau thuế**	**Tỷ đồng**	**16,83**	**3,36**	**5,14**	**4,44**	**3,89**	
VI	**Các chỉ tiêu khác**							
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	304					
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	154					
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	125					
	Trong đó: Tỷ lệ góp của Tổng công ty	%	75					
4	Tỷ suất LNST/VĐL	%	13					
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	11					
6	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	15,72	3,93	3,93	3,93	3,93	
	- Thuế TNDN	Tỷ đồng	4,21	0,84	1,28	1,11	0,97	
	- Các loại thuế và phí khác	Tỷ đồng	11,51	3,09	2,64	2,82	2,96	
7	Trích lập các quỹ	Tỷ đồng	4,21	0,84	1,28	1,11	0,97	
	- Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ đồng	0,84	0,17	0,26	0,22	0,19	5% LNST
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	3,37	0,67	1,03	0,89	0,78	20% LNST
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	12					
9	Nộp Tổng công ty	Tỷ đồng	13,84					
	- Cổ tức / Lợi nhuận	Tỷ đồng	11,25					
	- Phí quản lý	Tỷ đồng	2,59					
10	Hệ số nợ							
	- Hệ số nợ / VĐL	Lần	0,60					
	- Hệ số nợ / VCSH	Lần	0,49					
11	Lao động và thu nhập							
	- Lao động cuối kỳ	Người						
	- Lao động bình quân	Người						
	- Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/th	23,63	23,63	23,63	23,63	23,63	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016					Ghi chú
			Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
	- Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Tr.đ/ng/th	2.395	1.918	2.872	2.550	2.242	
12	Đào tạo							
	- Thực hiện đào tạo	Lượt người	106	10	42	51	3	
	- Chi phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	0,50	0,03	0,11	0,34	0,02	
13	Thực hành tiết kiệm chống lãng phí	Tỷ đồng	2,13	0,50	0,57	0,53	0,53	
VII	**Các chỉ tiêu đầu tư**	**Tỷ đồng**						
1	***Giá trị thực hiện đầu tư***	***Tỷ đồng***	6,31	0,37	3,36	2,06	0,53	
	- Đầu tư XDCB và MSTTB	Tỷ đồng	6,31	0,37	3,36	2,06	0,53	
	- Đầu tư tài chính	Tỷ đồng						
2	***Giá trị giải ngân***	***Tỷ đồng***	6,31	0,37	3,36	2,06	0,53	
	- Từ vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	6,31	0,37	3,36	2,06	0,53	
	- Từ vốn vay, khác	Tỷ đồng						